

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn
đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 53/TTr-SGTVT ngày 01/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng, với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Hữu Lũng.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư cải tạo tuyến ĐH.96 nhằm kết nối Cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện

Hữu Lũng với các tuyến giao thông trong khu vực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Hữu Lũng nói riêng và tỉnh Lạng Sơn nói chung.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

4.2.1. Phạm vi, Quy mô:

a) Phạm vi dự án:

Tuyến đường nằm trên địa bàn thôn Na Hoa, thôn Đèo Kèng, xã Hồ Sơn và thôn Bắc Lệ, xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Điểm đầu tuyến tại Km0+00 ĐH.96 (Na Hoa - Bắc Lệ - Hòa Sơn) thuộc thôn Na Hoa, xã Hồ Sơn giao với đường ĐT.242 tại Km2+500.

- Điểm cuối tuyến đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn tại Km5+829,52 thuộc xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng.

- Tổng chiều dài tuyến là: 5,83km.

b) Quy mô:

Trên cơ sở nền mặt đường hiện trạng là đường cấp IV miền núi theo tiêu chuẩn TCVN 4054 - 2005 có Bn=7,5m; Bm=6,5m, sửa chữa hư hỏng mặt đường cũ, gia cố lề đường mỗi bên rộng tối thiểu 0,5m, thảm tăng cường mặt đường bê tông nhựa, sửa chữa hệ thống thoát nước, an toàn giao thông.

4.2.2. Giải pháp thiết kế cơ sở các hạng mục chủ yếu

- Hướng tuyến: tuyến đi bám theo tim đường hiện trạng cũ, có cải tạo một số vị trí cong cua cục bộ.

- Thiết kế trắc dọc: thiết kế cao độ đường đảm bảo chiều dày kết cấu. Độ dốc dọc bám theo độ dốc dọc hiện trạng của tuyến đường.

- Thiết kế trắc ngang

Thiết kế gia cố lề tối thiểu 0,5m, để đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu là 7,5m (chưa kể mở rộng trong đường cong), độ dốc mặt đường $i_m = 2\%$, độ dốc lề đường $i_l = 2\%$.

- Nền đường rộng theo hiện trạng.

- Mặt đường rộng 7,5m (chưa kể mở rộng).

- Trong đường cong thiết kế mở rộng và siêu cao theo quy định.

+ Tận dụng những đoạn rãnh còn tốt, sửa chữa, gia cố các đoạn hư hỏng;

+ Bổ sung gia cố rãnh dọc những đoạn cần thiết (khu dân cư, độ dốc dọc lớn, đọng nước, lầy lội..) chưa có gia cố với tiết diện chữ nhật rộng 0,9m, sâu 0,4m, đáy rãnh rộng 0,5m.

- Thiết kế mặt đường

+ Đối với mặt đường bê tông xi măng cũ bị hư hỏng: các vị trí mặt đường bê tông xi măng bị hư hỏng, tiến hành phá dỡ và đổ bê tông xi măng hoàn trả bằng bê tông xi măng M350, đá 2x4 dày 24cm.

+ Gia cố lề, mở rộng mặt đường: kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới như sau: gia cố lề, mở rộng mặt đường mỗi bên trung bình tối thiểu 0,5m đảm bảo bề rộng mặt đường tối thiểu $B_m=7,5m$, với kết cấu như sau: Đào khuôn đường với chiều sâu trung bình 49cm; lớp móng dưới bằng bê tông xi măng M150 dày 15cm; sau đó đổ bê tông xi măng M350, đá 2x4cm dày 24cm để gia cố lề đường.

Trên toàn bộ mặt đường bê tông xi măng (bao gồm phần mặt đường bê tông xi măng cũ, phần mặt đường mở rộng gia cố bê tông xi măng), tiến hành vệ sinh, rải lưới địa kỹ thuật tại các khe co giãn, khe dọc trên mặt đường bê tông xi măng, tưới dính bảm bằng nhựa lỏng đông đặc nhanh RC70, tiêu chuẩn 0,5l/m² để thi công lớp bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa chặt 19 (nếu có). Sau đó tưới nhựa dính bảm bằng nhựa lỏng đông đặc nhanh RC70, tiêu chuẩn 0,5l/m² để thi công lớp mặt bê tông nhựa chặt 19 dày 8cm. Tiếp tục tưới dính bảm bằng nhựa lỏng đông đặc nhanh RC70, tiêu chuẩn 0,5l/m² để thi công lớp mặt bê tông nhựa chặt 12.5 dày 6cm.

- Công trình thoát nước và các công trình phòng hộ khác

+ Tận dụng những đoạn rãnh còn tốt, sửa chữa, gia cố các đoạn hư hỏng; nâng thành rãnh bằng bê tông xi măng M200, đá 1x2cm để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi cải tạo.

+ Bổ sung gia cố rãnh hộp những đoạn cần thiết (qua khu đông dân cư, độ dốc dọc lớn, đọng nước, lầy lội..) chưa có gia cố.

+ Các vị trí rãnh hộp qua nhà dân lắp đặt các tấm bản đúc sẵn bằng bê tông cốt thép M250, đá 1x2cm; kích thước tấm (100x90x12)cm. Các vị trí có rãnh hộp cũ chưa có tấm bản thiết kế tấm bản kích thước (100x100x12)cm.

+ Tận dụng các cống cũ, rãnh hộp cũ còn tốt; đầu cống, thành rãnh được nâng bằng bê tông xi măng M200 đá 2x4cm để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi cải tạo.

+ Tận dụng các cọc tiêu, cọc H, cọc Km trên tuyến còn tốt, di dời lắp đặt lại cho phù hợp với mặt đường sau mở rộng. Bổ sung những vị trí còn thiếu.

+ Dán phản quang cọc tiêu cũ, bọc tôn dán phản quang cọc Km, cọc H.

+ Tận dụng các biển báo trên tuyến còn tốt và dán lại màng phản quang.

+ Hoàn thiện hệ thống vạch sơn đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng và màu trắng theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Thiết kế nút giao: các nút giao trên tuyến thiết kế nút giao cùng mức, vượt nổi mặt bằng nút giao đảm bảo êm thuận và phù hợp với hiện trạng thực tế. Kết cấu mặt đường phạm vi vượt nổi nút giao theo kết cấu mặt đường cải tạo.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Xã Hồ Sơn và xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Diện tích đất sử dụng: 5,59ha (đất đường cũ).

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm C;
- Loại, cấp công trình: công trình giao thông, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình: 15 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

9. Tổng mức đầu tư: 45.000.000.000 đồng, trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 39.780.487.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 899.849.000 đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 2.322.930.000 đồng; |
| - Chi phí khác: | 336.428.000 đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 1.660.306.000 đồng; |

10. Thời gian thực hiện dự án: năm 2023 - 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng đối với dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.96 đoạn từ ngã 3 xã Hồ Sơn đến hết cụm công nghiệp Hồ Sơn, huyện Hữu Lũng.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31 : 2020 / TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 : 2012
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398 : 2012
4	Quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
5	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường và thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
6	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184: 2021
7	Thí nghiệm xác định khối lượng riêng	TCVN 4195 : 2012
8	Thí nghiệm xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012
9	Thí nghiệm xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197 : 2012
10	Thí nghiệm xác định thành phần hạt	TCVN 4198 : 2014
11	Thí nghiệm xác định tính chống cắt bằng máy cắt phẳng	TCVN 4199 : 1995
12	Thí nghiệm xác định tính nén lún	TCVN 4200 : 2012
13	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202 : 2012
14	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - không thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén 3 trục	TCVN 8868 : 2011
15	Thí nghiệm nén 1 trục nở hông cho đất dính (qu)	ASTM D2166
16	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324 : 2014
17	Công trình xây dựng - Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676 : 2016

TT	Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
18	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 : 2005
19	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346 : 2021
20	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối	TCCS 39 : 2022 / TCĐBVN
21	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38 : 2022 / TCĐBVN
22	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346 : 2021
23	Ống cống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113 : 2012
24	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116 : 2012
25	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41 : 2019 / BGTVT
26	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887 : 2018
27	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791 : 2018
28	Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845 : 2013
29	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957 : 2023
30	Tải trọng và tác động	TCVN 2737 : 2023
31	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34 : 2020 / TCĐBVN
32	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn	TCVN 12680 : 2019
33	Trang bị an toàn giao thông đường bộ-Dải phân cách và lan can phòng hộ-Kích thước và hình dạng	TCVN 12681 : 2019

2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng thi công và nghiệm thu

T T	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
2	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436 : 2012

T T	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
3	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - thi công và nghiệm thu	TCVN 13567 : 2022
4	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
5	Nhũ tương nhựa đường axit - Phương pháp thử	TCVN 8817-1:2011 ÷ TCVN 8817-15:2011
6	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011
7	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859 : 2023
8	Thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40 : 2022 / TCĐBVN
9	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453 : 1995
10	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
11	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828 : 2011
12	Sơn bảo vệ kết cấu thép Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790 : 2011
13	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước-Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8788 : 2011
14	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại	TCVN 8785 : 2011
15	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011
16	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865 : 2011
17	Mặt đường ô tô xác định bằng phẳng bằng thước dài 3m	TCVN 8864 : 2011
18	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép ché của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862 : 2011
19	Bê tông nặng - Đánh giá chất lượng bê tông – Phương pháp xác định vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357 : 2012
20	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361 : 2012
21	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869 : 2011
22	Đất xây dựng - Các phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195÷4200:2012
23	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012

T T	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
24	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871:2011
25	Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493 : 2005 ÷ TCVN 7504 : 2005
26	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa	TCVN 12884 : 2020
27	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860 : 2011
28	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Phương pháp xác định, kiểm tra cấp nhựa đường	TCVN 13356 : 2021
29	Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám - yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCCS 27:2019/TCĐBVN
30	Bê tông nhựa - Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914 : 2020
31	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13049 : 2020
32	Nhựa đường lỏng	TCVN 8818 : 2011
33	Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	TCVN 6523 : 2018
34	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
35	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572 : 2006
36	Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506 : 2012
37	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205 : 2012
38	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382 : 2012
39	Phụ gia hoá học cho bê tông	TCVN 8826 : 2011
40	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314 : 2022
41	Vữa xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 3121 : 2022
42	Vật liệu kim loại - Thử kéo - Phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1 : 2014
43	Công trình BTCT toàn khối xây dựng bằng cốt pha trượt - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9342 : 2012
44	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347 : 2012
45	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340 : 2012
46	Bê tông cốt thép - Phương pháp điện thế kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn	TCVN 9348 : 2012

T T	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã hiệu
47	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của không khí nóng ẩm	TCVN 9345 : 2012
48	Xi măng pooc lăng	TCVN 2682 : 2020
49	Xi măng pooc lăng hỗn hợp	TCVN 6260 : 2020
50	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ	QCVN 01 : 2022/BQP
51	An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
52	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện	QCVN 01 : 2020/BCT

Ghi chú: Một số tiêu chuẩn theo phạm vi áp dụng được dùng chung cho cả giai đoạn khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu.